

Trường Tiểu học Hứa Tạo	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I	Giám thị 1
Họ và tên:.....	Năm học: 2025-2026	
.....	Môn: Công nghệ - Lớp 5	Giám thị 2
Lớp:.....	Thời gian: 30 phút	
SBD:.....Phòng thi:.....	Ngày kiểm tra:.....	

Điểm	<u>Nhận xét</u>

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất (Từ câu 1 đến câu 8)

- Câu 1.** Điện thoại được sáng chế vào thời gian nào sau đây?
A. 1867 B. 1976 C. 1876 D. 1786
- Câu 2.** Thiết kế sản phẩm công nghệ gồm mấy bước chính?
A. 1 B. 2 C. 3 D. 4
- Câu 3.** Nhà sáng chế thường có những đức tính như:
A. Có tính quan sát, dũng cảm, gan dạ, hiếu thảo,...
B. Ham tìm tòi, học hỏi, nhẫn nại,...
C. Tốt bụng, cả thèm chóng chán, gan dạ,...
D. Cần cù, chịu khó, dịu dàng,...
- Câu 4.** Hoạt động được thực hiện **đầu tiên** để tạo ra sản phẩm công nghệ là:
A. thiết kế. B. sản xuất.
C. vận hành, sử dụng. D. bảo dưỡng, sửa chữa.
- Câu 5.** Phát biểu nào dưới đây **không đúng** khi biểu tượng  đang được bật trên điện thoại di động?
A. Điện thoại đang ở chế độ máy bay.
B. Không thể thực hiện được cuộc gọi bình thường.
C. Thực hiện được cuộc gọi bình thường.
D. Không thể gửi tin nhắn.
- Câu 6.** Trong giờ học toán, Minh và An giải các bài toán tính nhẩm bằng cách sử dụng máy tính cầm tay, theo em hai bạn đã thể hiện mặt trái nào khi sử dụng sản phẩm công nghệ?
A. Ảnh hưởng đến sức khỏe. B. Lệ thuộc, giảm tư duy.
C. Hạn chế giao tiếp trực tiếp. D. Mất an toàn thông tin.
- Câu 7.** Vai trò của sản phẩm công nghệ là gì?
A. Mang lại sự tiện nghi.
B. Đáp ứng nhu cầu đa dạng của con người.
C. Nâng cao năng suất lao động.

D. Mang lại sự tiện nghi, đáp ứng nhu cầu đa dạng của con người, nâng cao năng suất lao động.

Câu 8. Ai là người sáng chế ra động cơ hơi nước?

A. Giêm Oát.

B. A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo.

C. Các Ben.

D. Tô-mát Ê-đi-xon.

Câu 9. Em hãy sắp xếp lại các bước theo đúng thứ tự khi tiến hành làm sản phẩm đồng hồ đồ chơi.

1. Làm mặt số đồng hồ

2. Làm bộ kim đồng hồ

3. Gắn các bộ phận để hoàn thiện đồng hồ chơi

4. Làm quai đeo và núm vặn

Trả lời: Thứ tự thực hiện đúng là:.....

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (1đ). Việc phát minh ra bóng đèn điện có tác động như thế nào trong cuộc sống?

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (2đ). Nêu các bước để thiết kế một sản phẩm công nghệ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3 (2đ). Nêu những lưu ý khi sử dụng điện thoại?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1
MÔN: CÔNG NGHỆ – LỚP 5

I. LÝ THUYẾT (5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ/án	C	D	B	A	C	B	D	A

Mỗi câu đúng: 0.5 điểm

Câu 9. Thứ tự thực hiện đúng là: 1,4,2,3(**1đ**)

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (1đ). Việc phát minh ra bóng đèn điện có tác dụng giúp con người có thể làm việc và sinh hoạt thuận tiện hơn vào buổi tối, thấp sáng đường phố và nhà máy...

Câu 2 (2đ). Các bước để thiết kế một sản phẩm công nghệ là:

Bước 1: Hình thành ý tưởng về sản phẩm. (**0.5đ**)

Bước 2: Vẽ phác thảo và lựa chọn vật liệu, dụng cụ. (**0.5đ**)

Bước 3: Làm sản phẩm mẫu. (**0.5đ**)

Bước 4: Đánh giá và hoàn thiện sản phẩm. (**0.5đ**)

Câu 3 (2đ). Những lưu ý khi sử dụng điện thoại là:

- Không sử dụng khi đang sạc pin và khi pin yếu. (**0.5đ**)
- Chỉ sử dụng khi cần thiết. (**0.5đ**)
- Sử dụng với thời gian vừa phải. (**0.5đ**)
- Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin. (**0.5đ**)

MA TRẬN CÂU HỎI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1
MÔN: CÔNG NGHỆ – LỚP 5

Mạch kiến thức/ Chủ đề	Số câu và số điểm	Mức 1 (Nhận biết)		Mức 2 (Thông hiểu)		Mức 3 (Vận dụng)		Tổng cộng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1. Vai trò của công nghệ	Số câu	1		1				2	
	Câu số	I.7		I.6				I.6,I.7	
	Số điểm	0.5		0.5				1	
2. Nhà sáng chế	Số câu	2	1	1				3	1
	Câu số	I.1,I.8	II.1	I.3				I.1,I.3, I.8	II.1
	Số điểm	1	1	0,5				1.5	1
3. Tìm hiểu thiết kế	Số câu	1	1			1		3	1
	Câu số	I.2	II.2			I.4		I.2,I.4	II.2
	Số điểm	0.5	2			0,5		1	2
4. Thiết kế sản phẩm	Số câu					1		1	
	Câu số					I.9		I.9	
	Số điểm					1		1	
5. Sử dụng điện thoại	Số câu				1	1		1	1
	Câu số				II.3	I.5		I.5	II.3
	Số điểm				2	0,5		0.5	2
Tổng cộng	Số câu	4	2	2	1	3		9	3
	Câu số	I.1, I.2,I.7 I.8	II.1, II.2	I.3, I.6	II.3	I.4, I.5, I.9		I.1,I.2, I.3,I.4, I.5,I.6, I.7,I.8, I.9	II.1, II.2, II.3
	Số điểm	2	3	1	2	2		5	5
Tỉ lệ % theo mức độ nhận thức		50%		30%		20%		100%	
Số điểm		5 điểm		3 điểm		2 điểm		10 điểm	